

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2019

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

Năm 2018, năm giữa kỳ đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015-2020 và Nghị quyết của HĐND huyện về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2021. Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã ban hành Nghị quyết xác định các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu lãnh đạo phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước theo hướng đổi mới, sáng tạo và điều hành quyết liệt; Tình hình kinh tế - xã hội của huyện năm 2018 đã đạt được kết quả khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực; có 15/17 chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tốc độ tăng giá trị sản xuất 18,1%. Tỷ trọng ngành nông nghiệp, thủy sản chiếm 35,6%; công nghiệp - xây dựng chiếm 37,3%; thương mại-dịch vụ chiếm 27,1%. Giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt 64,9 triệu đồng,.. đời sống nhân dân tiếp tục được nâng cao, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo những nội dung chủ yếu về tình hình kinh tế xã hội năm 2018 và đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế- xã hội năm 2019, như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Phát triển kinh tế

1.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ước đạt 3.972 tỷ đồng, bằng 102,9% kế hoạch, tăng 14% so với cùng kỳ.

- *Trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng 21.162ha, đạt 97,8% KH, bằng 96,6% so với cùng kỳ năm 2017⁽¹⁾. Tiếp tục duy trì sản xuất 16 cánh đồng mẫu đã được công nhận và phát triển mới 08 cánh đồng mẫu sản xuất lúa chất lượng với quy mô từ 30-50ha/cánh đồng. Thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 80/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của HĐND huyện Quy định nội dung, mức hỗ trợ sản xuất

¹ Trong đó: lúa 12.853 ha đạt 100,4% KH, bằng 98,4% so với cùng kỳ, năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 57,8 tạ/ha, sản lượng đạt 74.341 tấn đạt 102,8% KH, bằng 101,8% so với cùng kỳ; diện tích lạc 2.689 ha đạt 103,2% KH, bằng 97,4 % so với cùng kỳ, năng suất đạt 26,7 tạ/ha, sản lượng đạt 71.796 tấn đạt 103% KH, bằng 97,8% so với cùng kỳ; Ngô lai diện tích 330 ha đạt 63,1% KH, bằng 64,3% so với cùng kỳ, năng suất ước đạt 32,6 tạ/ha, sản lượng ước đạt 1.075,8 tấn đạt 64,3%KH, bằng 64,5% so với cùng kỳ; Cây rau quả thực phẩm các loại 4.594 ha đạt 105,5%KH, bằng 109,1% so với cùng kỳ, sản lượng ước đạt 68.407 tấn, bằng 101,2%KH, tăng 4,4% so với cùng kỳ; Khoai tây 208 ha đạt 120,2%KH, bằng 130,4% so với cùng kỳ, năng suất đạt 120,9 tạ/ha, sản lượng đạt 2.515 tấn; Khoai lang 530 ha, năng suất đạt 113,6 tạ/ha, sản lượng 6.021 tấn, đạt 76,2% KH, và 74,1% so với cùng kỳ.

nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện giai đoạn 2017- 2020, kết quả đã mở rộng diện tích vùng sản xuất lúa chất lượng TBR225, Kim Cương 111, Bắc Thơm số 7 thay thế lúa thuần KD18 diện tích 4.863,6 ha, số tiền hỗ trợ 986 triệu đồng; duy trì và phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại 26 mô hình, số tiền hỗ trợ 573 triệu đồng². Thực hiện Nghị quyết số 48/2015/NQ-HĐND ngày 21/12/2015 của HĐND huyện về hỗ trợ phát triển sản xuất cây ăn quả giai đoạn 2016-2020, kết quả, trồng mới được 146/185ha, đạt 78,9%KH; triển khai thực hiện dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi được 40ha cây ăn quả, nâng tổng số cây ăn quả trên địa bàn huyện là 3.244ha; hình thành vùng sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGap, đảm bảo chất lượng ATTP 695ha; mở rộng vùng sản xuất vải sớm đạt tiêu chuẩn VietGap được cấp giấy chứng nhận 178ha; Tiếp tục thực hiện đề án phát triển cây dược liệu; đề án phát triển cây vú sữa, đến nay đã cấp được 2.200 cây vú sữa giống cho các hộ dân tại xã Việt Ngọc, Liên Chung và trồng mới được 13,6ha cây dược liệu, nâng tổng diện tích cây dược liệu 185 ha³. Sản lượng vải thiều 15.000 tấn, bằng 142,9% KH, tăng 15,4% so với cùng kỳ; sản lượng vú sữa 125 tấn; ổi 1.475 tấn; nhãn 2.276 tấn... Thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm: vải sớm, lợn sạch, rau quả chế biến xuất khẩu.

- *Chăn nuôi, thủy sản*: Đàn gia súc, gia cầm và thủy sản phát triển ổn định, không có dịch bệnh xảy ra. Tổng đàn gia súc 251.222 con, tăng 1,9% so với cùng kỳ (trong đó: đàn trâu 3702 con, đạt 97,4%KH; đàn bò 22.520 con, đạt 97,1%KH và 223.000 con lợn, đạt 116,8%KH); gia cầm 2.400 nghìn con, đạt 114,3%KH. Sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 36.209 tấn, tăng 1,1% so với cùng kỳ, giá bán các sản phẩm của ngành chăn nuôi tăng, nhất là giá lợn thịt. Giá trị của ngành chăn nuôi ước đạt 1.917 tỷ đồng, bằng 102,1%KH, tăng 18% so cùng kỳ. Diện tích nuôi trồng thủy 1.372 ha, trong đó theo hướng thâm canh, bán thâm canh 1.265 ha, sản lượng ước đạt 8.350 tấn, tăng 1,6% so cùng kỳ.

- *Công tác thủy lợi, đê điều, phòng chống lụt bão* được triển khai quyết liệt, nghiêm túc. Tổ chức kiểm tra và xử lý dứt điểm 8 trường hợp vi phạm pháp luật hành lang đê; kiểm tra, phát hiện sự cố, tổ chức lực lượng xử lý giờ đầu, hạn chế vết sạt trượt đê Hữu Thương tại xã Hợp Đức, Liên Chung.

1.2. Xây dựng nông thôn mới

Năm 2018, chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt; kết quả có 2 xã Đại Hoá, Ngọc Châu được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới; xã Lam Cốt đã hoàn tất các hạng mục và hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM (*dự kiến có quyết định công nhận trong tháng 12/2018*). Đến nay, toàn huyện đã có 10 xã đạt chuẩn NTM⁽⁴⁾, bình quân đạt 16,8 tiêu chí/xã (*tăng thêm 12 tiêu chí*

² Trong đó, 9 mô hình theo Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020; 17 mô hình ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của HĐND huyện.

³ Trong đó: Đinh lăng 143ha, Gấc 16,5ha, Kim tiền thảo 8,1ha, Sâm nam 1,1ha; Nghệ 4,5ha

⁴ Các xã: Quang Tiến, Liên Sơn, Ngọc Lý, Cao Thượng, Phúc Hòa, Quê Nham, Việt Lập, Phúc Sơn, Đại Hóa, Ngọc Châu

so với năm 2017). Trong năm đã vận động trên 720 hộ hiến đất, tài sản trên đất, với diện tích 169.010m² đất (trong đó: đất thổ cư 2376 m², đất nông nghiệp 166.544 m²), 931m tường rào, 18.100m³ đất san lấp mặt bằng để mở rộng đường, xây dựng các công trình công cộng.

1.3. Công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, quản lý điện năng

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển khá; một số nhà máy đã được đầu tư xây dựng và đi vào sản xuất tạo việc làm cho nhiều lao động tại địa phương⁵. Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp chủ yếu tập trung ở một số lĩnh vực: may gia công, sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất VLXD, cơ khí và sản xuất bao bì... thu hút, tạo việc làm cho gần 9.000 lao động. Giá trị sản xuất CN- TTCN ước đạt 1.235 tỷ đồng đạt 108,3 % kế hoạch, tăng 25,3% so với cùng kỳ.

Ngành điện đã đầu tư xây dựng, sửa chữa lưới điện trên địa bàn, bổ sung 7.613m cáp, 125 cột điện hạ thế đảm bảo nguồn điện cho sản xuất và tiêu dùng; sản lượng điện năng tiêu thụ ước khoảng 156 triệu Kw/h tăng 7,5% so với cùng kỳ. Hướng dẫn, đôn đốc HTX dịch vụ điện xã An Dương bàn giao lưới điện hạ áp nông thôn về ngành điện quản lý theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh.

1.4. Giao thông, xây dựng

Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản đã có sự chuyển biến tích cực. Công tác phân bổ nguồn vốn, phê duyệt chủ trương đầu tư, thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, đấu thầu, giám sát thi công, quản lý dự án... đã được triển khai thực hiện theo Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật. Năm 2018, giá trị xây dựng ước đạt 2.912 tỷ đồng, bằng 102,2%KH, tăng 26,9% so với cùng kỳ; triển khai xây dựng 206 công trình (trong đó, có 27 công trình do huyện làm chủ đầu tư⁶; 133 công trình xây dựng NTM, 46 công trình XDCC do cấp xã làm chủ đầu tư), đến nay các công trình cơ bản đã hoàn thành đi vào sử dụng; giá trị khối lượng hoàn thành ước đạt 176 tỷ đồng, giá trị giải ngân ước đạt 173 tỷ đồng bằng 100% kế hoạch vốn năm 2018. Tập trung chỉ đạo trả nợ xây dựng cơ bản, ước đến 31/12/2018 trả được 19,57/26,128 tỷ đồng, đạt 74,9% công nợ.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang về chính sách hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn. Kết quả, đến ngày 10/12/2018 đã cấp hỗ trợ xi măng làm đường GTNT được 40.500 tấn ứng với 183,4/183,4 km đường GTNT, đạt 100%KH ở 167 thôn, khu phố tại 23 xã, thị trấn trên địa bàn huyện (Phấn đấu đến 31/12/2018 sẽ thực hiện được khoảng 22 km của KH năm 2019).

Tập trung chỉ đạo thực hiện GPMB đường Song Vân- Việt Tiến; đường tỉnh 295 đoạn Ngọc Châu- thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, đến ngày 30/11/2018 các xã Ngọc Thiện, Song Vân, Ngọc Vân đã bàn giao mặt bằng thi công; xã Việt Ngọc

⁵ Nhà máy sản xuất thuốc Thú y của Công ty cổ phần thuốc Thú y Bắc Việt; Nhà máy sản xuất cơ khí của Công ty TNHH cơ khí Hùng Thảo; Nhà máy may xuất khẩu của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại HTVN.

⁶ Trong đó, 15 công trình xây dựng mới; 11 công trình hạ tầng khu dân cư; 01 công trình chuyển tiếp năm 2017 sang năm 2018

tiếp tục triển khai, thực hiện và phấn đấu hoàn thành bàn giao mặt bằng thi công trong năm 2018.

1.5. Thương mại và dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ có bước phát triển, giá trị sản xuất ước đạt 3.025 tỷ đồng, đạt 112% so với kế hoạch, tăng 25,1% so với cùng kỳ. Công tác kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng được tăng cường; tập trung các mặt hàng nông lâm, thủy sản, vật tư nông nghiệp và lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm. Giá cả hàng hóa cơ bản ổn định, nguồn cung hàng hóa đảm bảo đáp ứng nhu cầu thị trường. Hoạt động xúc tiến thương mại được quan tâm thực hiện, trong năm đã tổ chức 02 cuộc trưng bày giới thiệu sản phẩm tại Hội báo xuân Mậu Tuất và Hội nghị xúc tiến tiêu thụ vải thiều tại thành phố Bắc Giang, qua đó giới thiệu, quảng bá sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của huyện tới đông đảo bà con nhân dân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để xúc tiến tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Lữ Văn- xã Phúc Sơn.

1.6. Công tác tài chính, tín dụng, ngân hàng

Tiếp tục triển khai Đề án tăng thu ngân sách nhà nước, thực hiện các biện pháp tăng thu, chống thất thu ngân sách trên địa bàn huyện. Thu ngân sách nhà nước vượt dự toán được giao và tăng cao so với cùng kỳ, ước đạt 1.069,6 tỷ đồng, bằng 163,4 % so với dự toán, tăng 32,4% so với cùng kỳ. Hầu hết các chỉ tiêu thu đạt khá, có 8/10 chỉ tiêu thu hoàn thành và hoàn thành vượt dự toán huyện giao, còn 02 chỉ tiêu thu không đạt kế hoạch (*Thuế ngoài quốc doanh và phí trước bạ*). Chi ngân sách ước đạt 1.029,4 tỷ đồng, đạt 160,8% so với dự toán giao, tăng 31,3% so cùng kỳ.

Tổng huy động nguồn vốn của các ngân hàng và tổ chức tín dụng ước đạt 2.885,6 tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ⁽⁷⁾. Dư nợ tín dụng ước 1.710 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ⁽⁸⁾; nợ xấu 18,1 tỷ đồng bằng 1,05% so với dư nợ, tăng 4,6 tỷ đồng so với cùng kỳ⁽⁹⁾.

1.7. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 3.217 tỷ đồng, đạt 134% KH, tăng 36,9% so với cùng kỳ. Thu hút đầu tư luôn được quan tâm, trong năm có 14 dự án đầu tư mới, 10 dự án xin điều chỉnh, 06 dự án xin giãn tiến độ thực hiện; đến nay UBND tỉnh ra quyết định chấp thuận đầu tư cho 04/14 dự án đầu tư mới¹⁰, 03/10 dự án xin điều chỉnh, 5/6 dự án xin giãn tiến độ. Thành lập mới 29 doanh nghiệp, đạt 193,3% KH, giảm 46,3% so với cùng kỳ; tổng số 288 doanh nghiệp, trong đó có 258 doanh nghiệp đang hoạt động tạo việc làm cho gần 9.000 lao

⁷ Huy động vốn: Ngân hàng NN&PTNT 2.215,5 tỷ đồng, Ngân hàng Đông Á 210 tỷ đồng, Ngân hàng đầu tư và phát triển 165 tỷ đồng; các tổ chức tín dụng 295,1 tỷ đồng.

⁸ Dư nợ: Ngân hàng NN&PTNT 1250 tỷ đồng, Ngân hàng Đông Á 150 tỷ đồng, Ngân hàng đầu tư và phát triển 145 tỷ đồng; các tổ chức tín dụng 165 tỷ đồng

⁹ Trong đó, Ngân hàng NN&PTNT 15 tỷ đồng; các quỹ tín dụng: 2,6 tỷ đồng; Ngân hàng Đông Á 0,5 tỷ đồng.

¹⁰ Dự án “Trường mầm non Hương Thảo” của Công ty TNHH TM Thăng Long Bắc Giang, “Xây dựng cửa hàng xăng dầu xã Việt Lập” của DN tư nhân Minh Huy, “Hoàn thiện, đóng gói các sản phẩm từ giấy” của Công ty TNHH Đại Dương”; Trường Mầm non chất lượng cao Hoàng Hoa Thám.

động; 09 hợp tác xã thành lập mới, bằng 450%KH; 850 hộ dân được cấp phép ĐKKD theo quy định.

1.8. Công tác Tài nguyên - Môi trường

Tập trung chỉ đạo công tác thống kê đất đai năm 2018; lập, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2018; lập kế hoạch sử dụng đất, danh mục thu hồi đất lúa năm 2019 đối với các xã, thị trấn. Công tác dồn điền, đổi thửa, cấp giấy CNQSDĐ được triển khai thực hiện quyết liệt, đến ngày 20/11/2018, đã dồn, đổi được 2.475ha/2.309,7ha, đạt 100,8% tại 17 xã¹¹; Cấp được 2477 GCN đạt 151%KH (trong đó, cấp lần đầu 670 giấy, cấp đổi 1807 giấy); cấp 2755 giấy CNQSDĐ sau đo đạc bản đồ địa chính (cấp theo dự án); cấp 3.334 GCNQSDĐ sau dồn đổi ruộng.

Công tác quy hoạch, giao đất, thu hồi đất, giải quyết các tồn đọng về đất đai tại các xã, thị trấn được thực hiện nghiêm túc⁽¹²⁾. Kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản 11 trường hợp, số tiền 239 triệu đồng.

Phê duyệt, triển khai và giao chỉ tiêu thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt cho các xã, thị trấn theo Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang. Tổ chức bàn giao 34 xe thu gom vận chuyển rác cho các xã Lam Cốt, Ngọc Vân và 5.280 lít chế phẩm sinh học cho các xã. Giải tỏa được 4/7 bến, bãi chứa cát sỏi không nằm trong quy hoạch; đề nghị tỉnh bổ sung làm bến thủy nội địa đối với 3 bến¹³.

2. Lĩnh vực Văn hóa- Xã hội

2.1. Văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phục vụ các sự kiện và nhiệm vụ chính trị của đất nước, của tỉnh và của huyện. Phối hợp tổ chức thành công Hội báo Xuân Mậu Tuất năm 2018 và các hoạt động kỷ niệm 70 năm Bác Hồ có Sáu điều dạy CAND⁽¹⁴⁾... Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đạt nhiều kết quả⁽¹⁵⁾; Công tác quản lý di sản văn hóa được quan tâm, đã chỉ đạo 05 đơn vị tu sửa, nâng cấp di tích năm 2018⁽¹⁶⁾, phối hợp với Bảo tàng tỉnh khảo sát, lập hồ sơ đề nghị công nhận di tích Đồi văn hóa kháng chiến Quang Tiến và Đình Sặt, xã Liên Sơn là di tích cấp tỉnh; Tổ chức thành công 04 lễ hội trọng điểm⁽¹⁷⁾ và

¹¹ Giai đoạn 2014-2016 thực hiện được 835ha/1159,7ha đạt 72,6%; giai đoạn 2017-2018 thực hiện được 1640ha/1150ha đạt 142,6%.

¹² Thu hồi, GPMB 9,75ha đất xây dựng khu dân cư đối với 17 dự án; giao 9.380m² đất cho 4 cá nhân thuê, tham mưu UBND tỉnh cho 9 tổ chức thuê 72.662m² đất (thực hiện dự án 40.827m², cho thuê 31.835m²) và trình tỉnh giao đất thực hiện dự án khu đô thị An Huy, diện tích 28.942m².

¹³ Công ty Thu Nhâm, Công ty Cường Sáu và hộ ông Trần Văn Hoạt.

¹⁴ Trang trí 2.033 chiếc băng rôn, niêm yết 2.111 tranh cổ động, áp phích các loại; 65.135 chiếc cờ tổ quốc, 5.928 chiếc cờ mừng, cờ hội, 4000 tờ rơi về phòng chống bạo lực gia đình, hơn 1.100 cuốn tạp chí; 190 khẩu hiệu qua đường tuyên truyền NTM, Kỷ niệm 70 năm ngày Bác Hồ tặng CANN Sáu điều Bác Dạy; Trung tâm VH-TT huyện: Treo 140 chiếc băng rôn, 20 dây cờ vải qua đường, 130 lượt cờ đuôi cá, 600 lượt cờ mừng, thay mới 9 pano khổ lớn, 20 pano khổ nhỏ; Các doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức thay mới hệ thống pano tuyên truyền đã rách, cũ trên địa bàn huyện; được BCD cấp tỉnh xác định là huyện có nhiều biện pháp đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động của phong trào so với các huyện, thành phố.

¹⁵ Đã công nhận 277 thôn, khu phố văn hóa, đạt 75,4%; 38/367 thôn, khu phố đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen đạt thành tích đạt 3 năm liên tục; 8/367 thôn, khu phố điển hình "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp"; 151/217 cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, đạt 69,5%; 03 xã (Đại Hóa, Ngọc Châu, Lam Cốt) đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; tỷ lệ gia đình văn hóa toàn huyện đạt 86,7%.

¹⁶ Đình Bảng Cục- xã Ngọc Châu; Lăng Giáp Đăng Luân, xã Việt Lập; Chùa Gia, xã Việt Ngọc; Đền thờ Quận Công Dương Hùng Lượng, xã Song Vân; Quán Chúc, xã Đại Hóa.

¹⁷ Lễ hội Đền Trưng, Ngọc Châu; Đình Hà, xã Tân Trung; Đình Vòng, xã Song Vân; Đền Dành, xã Liên Chung

lễ đón nhận Bằng công nhận di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia Lăng Giáp Đãng Luân, xã Việt Lập đảm bảo an toàn, tiết kiệm.

Công tác du lịch, gia đình được đẩy mạnh⁽¹⁸⁾; Phong trào TDTT tiếp tục được duy trì và phát triển. Tổ chức thành công 11/13 giải thể thao cấp huyện, trao 125 giải nhất, 125 giải nhì, 219 giải ba. Tham gia 12 giải thể thao cấp tỉnh, đoạt 35 HCV, 28 HCB, 23 HCD⁽¹⁹⁾ dẫn đầu 10 huyện, thành phố. Tham gia Liên hoan tiếng hát Quan họ tỉnh Bắc Giang đạt giải B toàn đoàn. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội⁽²⁰⁾.

Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tiếp tục được đẩy mạnh, đã tổ chức được 02 lớp đào tạo CNTT cho cán bộ, công chức trên địa bàn huyện; công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin, không có sự cố xảy ra; Hỗ trợ nâng cấp Đài truyền thanh các xã: Song Vân, Ngọc Vân, Đại Hóa, Quang Tiến; Quản lý tốt các cơ sở, điểm kinh doanh văn hoá, văn nghệ, dịch vụ giải trí trên địa bàn⁽²¹⁾.

2.2. Giáo dục - Đào tạo

Năm học 2017 - 2018, huyện Tân Yên hoàn thành xuất sắc 10/15 lĩnh vực công tác, 5/15 lĩnh vực hoàn thành tốt. Tham gia các cuộc thi cấp tỉnh đạt nhiều giải cao (*HSG cấp tỉnh đạt 4 giải nhất, 10 giải nhì, 19 giải ba, 18 giải KK*). Thi học sinh giỏi bậc THCS xếp thứ 3 về số lượng giải, xếp thứ 2 về chất lượng giải so với 10 huyện, thành phố. Chất lượng đội ngũ giáo viên 100% đạt chuẩn, 82,6% trên chuẩn; 167 giáo viên đạt giỏi cấp tỉnh (MN: 65; TH: 57; THCS: 45). Hoàn thành các môn học bậc Tiểu học đạt 99,34%; Tỷ lệ tốt nghiệp THCS 2.381/2.390 học sinh, đạt 99,62%. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 99,05% giảm 0,01% so với năm học trước.

Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được duy trì tại 24/24 xã, thị trấn; phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3 tại 24/24 xã, thị trấn; phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 tại 13/24 xã, thị trấn; mức độ 2 tại 11 xã, thị trấn. Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trong các nhà trường, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 92,5% tăng 0,5% so với năm trước; tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia 70/78 trường bằng 89,7% (*tăng 03 trường*) đạt 100% so với KH. Triển khai các nhiệm vụ năm học 2018-2019; thành lập Trường Tiểu học Cao Xá trên cơ sở sáp nhập trường TH Cao Xá 1, TH Cao Xá 2; thành lập Trường MN An Dương trên cơ sở sáp nhập trường mầm non An Dương 1 và trường mầm non An Dương 2.

¹⁸ Tổ chức đón tiếp hơn 15.000 lượt người tới tham dự Hội Báo xuân Mậu Tuất năm 2018 và Lễ kỷ niệm 70 năm Bác Hồ có Sáu điều dạy CAND; tổ chức 12 chuyến du lịch về nguồn cho hơn 1500 em học sinh và thầy cô giáo, cán bộ đi tham quan du lịch trong và ngoài tỉnh. Trong năm toàn huyện đã đón gần 100.000 lượt người đến tham quan văn cảnh tại các điểm du lịch, di tích và danh thắng trên địa bàn (*trong đó riêng Khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy CAND đã tổ chức đón tiếp được 547 đoàn với 22.283 lượt người trong đó có 275 đoàn với 8.335 lượt người dâng hương, dâng hoa*)...

¹⁹ Tham dự Các giải TDTT cấp tỉnh: kết quả đạt: Giải Vật tinh Bắc Giang đạt 06 HCV, 7 HCB, 2 HCD; giải Kéo cào 1 HCB, 3 HCD; Giải đẩy gậy 03 HCB; giải Việt dã 2 HCV, 3 HCD, 5 HCD; giải Bóng bàn 3 HCV, 5 HCD; giải võ thuật tỉnh Bắc Giang đạt 13 HCV, 6 HCB, 1 HCD; giải Đá cầu 6 HCV, 4 HCB, 3 HCD; giải Bóng chuyền 1 HCB; giải Bơi: đạt 01 HCV, 3 HCD; tham dự Giải Vô địch Bóng đá nam 1 HCB; giải Cầu lông 1 HCV, 1 HCB, 1 HCD; giải Cầu lông gia đình 3 HCV, 1 HCB.

²⁰ Trên địa bàn có 1.381 đám cưới, 685 việc tang (*trong đó có 91 trường hợp hòa táng*) thực hiện theo nếp sống văn minh.

²¹ Kiểm tra và nhắc nhở 40/44 điểm hoạt động kinh doanh, xử phạt 04 chủ cơ sở kinh doanh lưu trú, karaoke, kinh doanh TDTT với số tiền 10 triệu đồng.

Chỉ đạo các xã, thị trấn, các trường học rà soát các công trình vệ sinh cho học sinh và giáo viên để có kế hoạch cải tạo, xây mới nhằm đảm bảo có đủ công trình vệ sinh hợp tiêu chuẩn trong các trường học.

2.3. Công tác Y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình

Công tác phòng, chống dịch bệnh thường xuyên được quan tâm thực hiện; không có dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm nguy hiểm xảy ra trên địa bàn. Công tác khám, chữa bệnh được duy trì với 569.000/305.000 lượt, đạt 187%KH; số giường bệnh 20 giường/vạn dân (tăng 1,3% so cùng kỳ), 5 bác sĩ/vạn dân (tăng 1,04% so cùng kỳ); tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi 12,5% (giảm 0,3% so với cùng kỳ); tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế 95,8%; tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 97,5% (tăng 4% so cùng kỳ). Có 5 trạm y tế xã được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất từ chương trình hỗ trợ chính sách ngành y tế do EU tài trợ, số tiền 18,358 tỷ đồng²².

Công tác quản lý hành nghề y dược tư nhân, ATTP được tăng cường. Kiểm tra 125 lượt cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, phát hiện vi phạm và xử phạt 17 cơ sở, số tiền 28.450.000 đồng; kiểm tra, phát hiện vi phạm và xử phạt 02 doanh nghiệp có tổ chức bếp ăn tập thể cho công nhân, số tiền 8.000.000đ; xử phạt 35 cơ sở sản xuất, kinh doanh ATTP, số tiền 34.550.000đ. Công tác tuyên truyền, thực hiện tiếp nhận và điều trị thay thế nghiện các dạng chất thuốc phiện bằng Methadone thường xuyên cho 28 bệnh nhân, nâng tổng số bệnh nhân được điều trị 88 bệnh nhân (Trong đó, Trung tâm Y tế 60 bệnh nhân; Trung tâm Giáo dục- LĐXH Ngọc Châu 28 bệnh nhân).

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản được duy trì; tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,0%. Tổng số sinh 2.928 người, giảm 171 người so với cùng kỳ; mức giảm tỷ lệ sinh 0,17‰; tỷ số giới tính khi sinh 109 nam/100 nữ; tỷ lệ sinh lần 3⁺ là 12,2%, tăng 1,4% so với cùng kỳ.

2.4. Công tác Lao động - Thương binh và xã hội

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm thường xuyên được quan tâm chỉ đạo. Giải quyết việc làm mới cho 3.450 lao động, đạt 101,2% KH, xuất khẩu lao động 348 người đạt 105% KH; tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động đạt 64,5%, tăng 2,5% so với cùng kỳ. Thực hiện kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chi trả chế độ hàng tháng cho 3.675 đối tượng người có công với tổng kinh phí trên 79 tỷ đồng; chi trả chế độ gần 30 tỷ đồng cho 6.460 đối tượng bảo trợ xã hội; cấp trên 77.000 thẻ BHYT cho các nhóm đối tượng được hưởng theo quy định⁽²³⁾; tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2018; tỷ lệ hộ nghèo 4,07%, giảm 1,34% so với cùng kỳ; tỷ lệ hộ cận nghèo là 5,86%, giảm 0,38% so với cùng kỳ.

3. Lĩnh vực nội chính

3.1. Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được quan tâm thực hiện. Tổ chức 106 hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật những quy định Bộ luật Hình sự

²² Gồm các xã; Việt Ngọc, Ngọc Lý, Tân Trung, an Dương, Lan Giới

²³ Trong đó: 13.800 thẻ đối tượng người có công, trên 4.000 thẻ đối tượng BTXH, 7.529 thẻ hộ nghèo, trên 9.000 thẻ hộ cận nghèo và gần 43.000 thẻ hộ làm nông, lâm nghiệp có mức sống trung bình.

năm 2015, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo, dân sự, đất đai, môi trường, xử lý vi phạm hành chính, quy định về an toàn giao thông đường bộ cho trên 10.000 lượt người; phát 5.360 tài liệu tuyên truyền các loại, phát sóng 420 lần chương trình PBGDPL trên đài truyền thanh xã, thị trấn. Phối hợp với Công ty Luật Bảo Ngọc thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp lý tại xã Ngọc Thiện cho hơn 100 người tham dự. Triển khai tháng hành động phòng, chống ma túy năm 2018, phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù; triển khai hưởng ứng “Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người 30/7”; Triển khai Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Công tác hoà giải ở cơ sở thường xuyên được quan tâm chỉ đạo, các tổ hòa giải thực hiện tổ chức hòa giải 106 vụ việc, hòa giải thành 88/106 vụ đạt tỷ lệ 83%.

3.2. Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng

Kiến toàn đội ngũ cán bộ quản lý và thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Tỉnh ủy Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII “*một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” và “*tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”. Xây dựng đề án sáp nhập xã Cao Thượng vào thị trấn Cao Thượng và đề án phân loại đô thị thị trấn Cao Thượng trở thành đô thị loại V.

Thành lập Trung tâm Dịch vụ- Kỹ thuật nông nghiệp huyện trên cơ sở tổ chức lại 03 đơn vị (*Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV thuộc Sở NN&PTNT; Trạm Khuyến nông trực thuộc UBND huyện*); thành lập Trung tâm Văn hóa- Thông tin và Thể thao huyện trên cơ sở hợp nhất Đài Truyền thanh và Trung tâm Văn hóa- thể thao huyện.

Tổ chức thực hiện sơ kết 02 năm đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch số 35-KH/HU ngày 30/9/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị huyện Tân Yên giai đoạn 2016-2020. Tập trung giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công khai quy trình, danh mục, thời gian giải quyết thủ tục hành chính; niêm yết đường dây nóng tiếp nhận phản ánh kiến nghị của các tổ chức, công dân,... xây dựng 01 mô hình “*một cửa kiểu mẫu*” tại UBND xã Hợp Đức triển khai đồng bộ đến các xã, thị trấn. Triển khai mở rộng phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 đến hoạt động của UBND cấp xã; lựa chọn UBND xã Phúc Sơn thực hiện thí điểm xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã.

Phong trào thi đua yêu nước được phát động và triển khai rộng khắp trên nhiều lĩnh vực đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn huyện; đồng thời phát động nhiều đợt thi đua chuyên đề gắn với các nhiệm vụ phát triển KTXH của huyện. Năm 2018, với chủ đề “*Đoàn kết, năng động, sáng tạo, thi đua hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2018*”;

chú trọng khen thưởng các tập thể, cá nhân trực tiếp lao động sản xuất, tập thể nhỏ, khen đột xuất, khen chuyên đề về bảo vệ an ninh tổ quốc, về chăm sóc sức khỏe nhân dân. Công tác tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các điển hình tiên tiến ngày càng được quan tâm, tạo ra không khí phấn khởi, hăng hái thi đua trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.

3.3. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra được triển khai nghiêm túc, đã triển khai thực hiện 7/6 cuộc thanh tra, bằng 125% kế hoạch²⁴, đã ban hành kết luận đối với 06 cuộc; qua thanh tra đã phát hiện sai phạm về kinh tế với số tiền 2,4 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 763,5 triệu đồng, giảm trừ 508 triệu, kiến nghị xử lý khác 1.100 triệu đồng.

Việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý sau thanh tra, giải quyết KN, TC của các cơ quan Trung ương, tỉnh, huyện phải thực hiện: 23 QĐ, KL; đã triển khai thực hiện xong 20/23 QĐ, KL, đạt 86,9%²⁵.

Công tác phòng, chống tham nhũng được đảm bảo, tính công khai, minh bạch trong hoạt động các cơ quan, đơn vị nhà nước từng bước được cải thiện, 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân theo quy định.

Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện từng bước được củng cố; chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện Đề án số 35/ĐA-UBND ngày 28/4/2014 của UBND huyện về nâng cao chất lượng công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện. Năm 2018, toàn huyện đã tiếp công dân 462 buổi, với 578 lượt người đến phản ánh 278 vụ việc; tiếp nhận 282 đơn các loại, tăng 14,6% so với cùng kỳ, trong đó có 249 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết; kết quả giải quyết xong 241/249 đơn, đạt 96,78%.

3.4. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương

Thường xuyên duy trì và thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, rèn luyện kỷ luật, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Thực hiện công tác tuyển và giao nhận quân năm 2018, đạt 100% chỉ tiêu (295 *thanh niên*). Tăng cường, nắm tình hình, các biện pháp ứng phó, bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị và các ngày lễ lớn của đất nước. Chỉ đạo xã An Dương, Phúc Sơn, Phúc Hòa tổ chức diễn tập PCTT-TKCN; xã Song Vân, thị trấn Cao Thượng tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ năm 2018.

²⁴ 01 cuộc thanh tra công tác quản lý đầu tư XD CB các công trình do Trung tâm PTQĐ&CCN huyện làm chủ đầu tư giai đoạn 2013 - 2017; 01 cuộc thanh tra trách nhiệm đối với Chủ tịch xã trong việc thực hiện pháp luật về KNTC và PCTN tại 05 đơn vị (Việt Lập, Quế Nham, Ngọc Vân, Ngọc Thiện, Song Vân); 01 cuộc thanh tra công tác quản lý và sử dụng ngân sách tại xã Cao Xá giai đoạn 2012 - 2016; 01 cuộc thanh tra PCTN tại 03 đơn vị (Phòng TN&MT, Phòng NN&PTNT, Trường Tiểu học Liên Sơn); 01 cuộc thanh tra công tác quản lý, sử dụng ngân sách tại thị trấn Cao Thượng giai đoạn 2012 - 2015; 01 cuộc thanh tra công tác quản lý đầu tư XD CB đối với các công trình do Chủ tịch UBND huyện, Chủ tịch UBND xã, thị trấn làm chủ đầu tư giai đoạn 2013 - 2017.

²⁵ Trong đó: 01 Kết luận của Thanh tra Bộ Xây dựng; 03 Kết luận của các sở, ban ngành của tỉnh; 14 QĐ, KL sau thanh tra (trong đó 01 QĐ, KL tồn năm trước) và 12 QĐ, KL giải quyết KNTC của Chủ tịch UBND huyện.

Triển khai tốt công tác động viên dân quân dự bị, công tác giáo dục QP&AN theo kế hoạch; hoàn thành 100% chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện, hội thao cho lực lượng DQTV theo kế hoạch và đảm bảo an toàn. Tiếp tục nhận và xét duyệt hồ sơ cho các đối tượng chính sách theo Quyết định số 142, 49, 62 của Thủ tướng Chính phủ, trong năm đã chi trả trợ cấp cho 1.966 trường hợp với số tiền 4,6 tỷ đồng; tiếp nhận và xét duyệt 144 hồ sơ thương binh cho các trường hợp theo Thông tư 28, Thông tư 202 của Bộ Quốc phòng, đến nay đã có 03 trường hợp được hưởng chế độ thương binh.

3.5. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; xây dựng, triển khai và chỉ đạo quyết liệt các phương án, kế hoạch phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống mua bán người; phòng chống cháy nổ trên địa bàn; hoạt động tội phạm được kiểm chế, các vi phạm pháp luật được xử lý nghiêm. Phối hợp tổ chức thành công Lễ khánh thành Khu lưu niệm Sáu điều Bác Hồ dạy CAND và Hội trại "Tuổi trẻ CAND học tập, thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy".

Các loại tội phạm xảy ra 76 vụ, giảm 03 vụ so với cùng kỳ, trong đó trọng án xảy ra 03 vụ, án ít nghiêm trọng xảy ra 73 vụ⁽²⁶⁾. Một số điểm tàng trữ mua bán, sử dụng ma túy trái phép nhỏ lẻ gây bức xúc trong nhân dân (*thôn Đồn, xã Liên Sơn; Đồn Năm thôn 284 xã Quế Nham*) đã được kiểm soát, đến nay không còn phức tạp.

Tình hình tai nạn giao thông xảy ra 29 vụ, 29 người chết, 08 người bị thương; tăng 21 vụ, 21 người chết và 04 người bị thương so cùng kỳ. Tai nạn khác xảy ra 17 vụ làm 18 người chết²⁷.

II. NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Lĩnh vực kinh tế

Đầu tư xây dựng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa nhiều; ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất trên cánh đồng mẫu, vùng sản xuất tập trung còn gặp nhiều khó khăn, liên kết sản xuất trên cánh đồng mẫu chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Chất lượng một số sản phẩm hạn chế nên chưa có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Sản xuất cây ăn quả chưa có sự liên kết theo nhóm hộ, tổ hợp tác; việc quản lý chất lượng sản phẩm khó khăn, thị trường tiêu thụ thiếu ổn định.

Đầu tư của doanh nghiệp vào địa bàn thuê đất sản xuất nông nghiệp công nghệ cao còn chậm, sản xuất cầm chừng, sản phẩm chưa đa dạng. Việc vận động nhân dân cho doanh nghiệp thuê đất để sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung còn hạn chế²⁸.

²⁶ Gồm: Trộm cắp tài sản 15 vụ; cố ý gây thương tích 13 vụ; cướp giật tài sản 02 vụ; cưỡng đoạt tài sản 01 vụ; hủy hoại tài sản 02 vụ; lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 vụ; lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 01 vụ; hiếp dâm người dưới 16 tuổi 01 vụ; dâm ô với người dưới 16 tuổi 01 vụ; buôn bán hàng cấm 06 vụ; tội phạm về ma túy 19 vụ; tội phạm đánh bạc 07 vụ; tội phạm chứa mại dâm 01 vụ; tội phạm vi phạm quy định về ĐKPTGTĐB 02 vụ.

²⁷ Đuối nước 7 vụ, 8 người chết (tăng 02 vụ, 01 người chết so với năm 2017); tự sát 07 vụ, 7 người chết (tăng 04 vụ, 04 người chết); tai nạn rủi ro 03 vụ, 3 người chết (giảm 01 vụ, 01 người chết).

²⁸ Tập đoàn T&T thuê đất để đầu tư dự án "Nông trường mẫu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao" không thực hiện được.

Công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư và xây dựng cơ bản còn hạn chế. Việc khảo sát, tư vấn thiết kế, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán kinh phí, hồ sơ mời thầu chất lượng thấp; công tác giám sát thi công, nghiệm thu thanh quyết toán công trình còn hạn chế, quyết toán công trình chậm.

Một số chỉ tiêu thu ngân sách chưa đạt kế hoạch đề ra hụt thu 18,109 tỷ đồng²⁹. Công tác quản lý ngân sách ở một số xã, thị trấn còn thiếu chặt chẽ; còn tình trạng chi không đúng quy định. Việc quyết toán các công trình đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành còn chậm. Công tác xử lý nợ đọng XDCB của một số xã còn chậm.

Việc nắm tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Sự phối hợp cung cấp thông tin giữa các cơ quan chuyên môn của huyện, UBND các xã, thị trấn khi quyết toán, chuyển kinh phí chi trả các công trình XDCB với cơ quan thuế còn chưa kịp thời, dẫn đến các doanh nghiệp chậm nộp thuế.

Tình trạng vi phạm Luật Đất đai, Luật bảo vệ môi trường còn xảy ra; công tác quản lý quỹ đất công ích chưa đảm bảo theo quy định. Hiện tượng lợi dụng việc hạ thấp độ cao, cải tạo ao, hồ khai thác đất trái phép còn diễn ra³⁰. Tình trạng xây dựng công trình trái phép; quây lán trên đất nông nghiệp còn xảy ra; công tác chỉnh lý biến động đất đai trên hồ sơ địa chính sau hiến đất còn chậm; một số xã chưa quyết liệt trong việc chỉ đạo xây dựng bãi rác thải tập trung³¹.

1.2. Lĩnh vực Văn hoá - Xã hội

Tỷ lệ khu dân cư văn hóa không đạt chỉ tiêu giao³²; Các hoạt động tuyên truyền về văn hóa, văn nghệ, thể thao còn mang tính hình thức; việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có mặt hạn chế; công tác quản lý nhà nước về dịch vụ viễn thông, quảng cáo chưa được kiểm soát triệt để.

Công tác quản lý nhà nước về khám chữa bệnh trên địa bàn còn hạn chế. Còn tình trạng các cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập hoạt động trái phép; cơ sở vật chất, chất lượng khám chữa bệnh của mạng lưới y tế cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân.

Công tác quản lý nhà nước về ATTP ở một số xã, thị trấn chưa được quan tâm. Công tác tuyên truyền nhằm nâng cao kiến thức, nhận thức về ATTP chưa thường xuyên chủ yếu tập trung vào tháng cao điểm hành động về ATTP.

Việc tuyên truyền về chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình còn chưa đa dạng, chưa hiệu quả; tỷ lệ sinh con lần 3 trở lên còn ở mức cao, có chiều hướng gia tăng.

²⁹ Thuế Ngoài quốc doanh, Phí trước bạ.

³⁰ Tại các xã: An Dương, Cao Xá, Liên Sơn, Việt Ngọc.

³¹ Gồm các xã: Liên Chung, Hợp Đức, An Dương và Việt Ngọc.

³² Tỷ lệ khu dân cư văn hóa đạt 75,4% (Kế hoạch 79,6%).

Chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn hạn chế; việc đăng ký dạy nghề còn chưa sát với nhu cầu của người dân. Việc rà soát thống kê hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp có mức sống trung bình ở một số xã, thị trấn còn hạn chế.

Một số trường học chưa coi trọng việc bồi dưỡng phát triển năng khiếu học sinh; chất lượng giáo dục ở một số trường chưa tương xứng với danh hiệu đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ phòng học kiên cố hóa tăng chậm; nhiều trường chưa có nhà vệ sinh hợp tiêu chuẩn cho giáo viên và học sinh.

1.3. Lĩnh vực nội chính

Công tác phát hiện vi phạm còn hạn chế; lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng cơ bản của các xã, thị trấn còn chưa được quan tâm thực hiện. Công tác tiếp nhận, xử lý, phân loại một số vụ việc còn nhầm lẫn, thời gian phân loại, xử lý còn chậm, muộn; việc nắm bắt tiến độ, đôn đốc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền còn chậm; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ở một số xã, thị trấn trong một số vụ việc còn lúng túng, giải quyết đơn thư chưa đảm bảo trình tự, thủ tục cũng như nội dung, thời gian qui định như: Việt Lập, Quế Nham, Phúc Hòa.

Sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị chưa đồng bộ nên hiệu quả trong giải quyết các vấn đề phức tạp chưa cao như: Việc thu phí sử dụng hành lang giao thông tại thị trấn Cao Thượng; Công tác tham mưu chuyển đổi mô hình quản lý và khai thác chợ Mọc chưa chặt chẽ theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang nên chưa tạo được sự đồng thuận của các tiểu thương, gây tụ tập đông người làm mất ổn định tình hình trật tự trên địa bàn huyện.

Tình hình an ninh chính trị trên một số mặt vẫn tiềm ẩn phức tạp như vấn đề mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân; hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo, xây dựng cơ sở thờ tự trái phép³³; triệt phá các tụ điểm ma túy còn hạn chế³⁴;.. Việc lập lại trật tự hành lang, lòng đường, vỉa hè và xử lý các điểm họp chợ tạm chưa triệt để; hiện tượng tái lấn chiếm lòng đường, vỉa hè còn diễn ra. Tai nạn giao thông tăng cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương so với cùng kỳ 2017.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

Thời tiết rét đậm kéo dài (*nền nhiệt trung bình thấp hơn so với các năm từ 2-3⁰C*) làm chậm tiến độ sản xuất vụ Chiêm Xuân năm 2018; mưa lớn cuối tháng 8 gây thiệt hại về lúa, thủy sản, rau màu.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa tương xứng với chi phí đầu tư, do vậy việc đẩy mạnh sản xuất và xây dựng mô hình sản

³³ Tình hình an ninh trật tự tại chợ Mọc, thị trấn Cao Thượng phức tạp; xây dựng công trình tôn giáo trái phép tại xứ Bì Nội, xã Ngọc Thiên; các điểm nhóm Tin lành tại xã Việt Ngọc, Ngọc Vân vẫn lén lút tụ tập, tổ chức sinh hoạt tôn giáo trái phép; Pháp Luân công có dấu hiệu hoạt động trở lại. Phát hiện một số người dân bị lôi kéo, tham gia vào tà giáo "Hội thánh đức Chúa trời" tụ tập, tổ chức sinh hoạt ở Đại Hóa, Phúc Hòa, Việt Lập và TT Cao Thượng, xây dựng công trình thờ tự trái phép tại xứ Bì Nội xã Ngọc Thiên.

³⁴ Một số tụ điểm bán ma túy ở Thị trấn Nhã Nam, xã Liên Sơn, xã Cao Xá

xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện chưa nhiều; giá bán quả vải thấp so với cùng kỳ.

Doanh nghiệp trên địa huyện hầu hết có quy mô sản xuất kinh doanh nhỏ, sức cạnh tranh thấp, số thuế phát sinh thấp, nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động nên tỷ lệ nộp ngân sách thấp và không ổn định.

Việc chấp hành pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế GTGT của một số doanh nghiệp còn chưa tốt. Ý thức chấp hành pháp luật về thuế của một bộ phận người nộp thuế chưa tự giác trong việc thực hiện chế độ kê khai, đăng ký thuế, còn có hành vi chây ì, trốn thuế, nợ đọng thuế kéo dài.

Chính sách pháp luật về khoáng sản, tài nguyên nước còn nhiều điểm bất cập thiếu tính ổn định, chồng chéo, có văn bản còn mâu thuẫn với nhau nên khó áp dụng trong thực tế; một số chính sách pháp luật mới được triển khai chưa đồng bộ, khó khăn trong quá trình thực hiện. Ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân và doanh nghiệp trong việc chấp hành Luật Đất đai, Luật bảo vệ môi trường còn hạn chế.

Nhận thức của các chủ cơ sở hành nghề khám chữa bệnh tư nhân về các quy định của pháp luật còn chưa đầy đủ, chưa nắm rõ hết được các quy định về khám chữa bệnh và các quy định về ATTP.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn có mặt còn hạn chế; chưa quyết liệt trong điều hành và triển khai các nhiệm vụ được giao; còn thiếu chủ động nắm bắt, kiểm tra, đôn đốc dẫn đến vụ việc giải quyết KNTC còn chậm, muộn.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị còn chưa đôn đốc các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đã được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt đối với Chủ tịch UBND cấp xã. Chủ tịch UBND một số xã, thị trấn chưa quyết liệt trong điều hành thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền vẫn còn tình trạng đùn đẩy lên huyện.

Các cơ quan được giao nhiệm vụ chưa tích cực tham mưu, đề xuất các giải pháp tăng thu và xử lý nợ đọng tiền thuế đất của các doanh nghiệp trên địa bàn. Chủ đầu tư các công trình XD CB còn yếu về năng lực quản lý; các cơ quan chuyên môn huyện chưa làm hết chức trách, nhiệm vụ trong hướng dẫn đối với các công trình do cấp xã làm chủ đầu tư, dẫn đến còn nhiều sai phạm sau thanh tra.

Việc thực hiện công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn chủ quan, né tránh, trông chờ cấp trên; thiếu kiểm tra, đôn đốc, xử lý các vi phạm.

Cấp ủy, chính quyền ở một số nơi còn chưa thực sự quan tâm đến công tác quản lý đất đai, môi trường, khoáng sản. Trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và sự am hiểu về Luật Đất đai, Luật Môi trường, Luật khoáng sản của cán bộ còn có hạn chế.

Sự chỉ đạo của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn đối với hoạt động của các cơ sở khám chữa bệnh chưa toàn diện, hiệu quả chưa cao; công tác quản lý nhà nước về ATTP, hoạt động khám chữa bệnh còn hạn chế.

Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ chưa chặt chẽ; một số cán bộ, công chức chưa thực sự làm tròn nhiệm vụ, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu tinh thần học hỏi nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; chưa làm tốt công tác hướng dẫn, tư vấn, giúp đỡ cơ sở giải quyết công việc.

Ý thức chấp hành an toàn giao thông đường bộ, lấn chiếm lòng đường, vỉa hè của một số người dân chưa cao. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các quy định về trật tự hành lang ATGT đường bộ còn hạn chế; công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý xe chở hàng quá khổ, quá tải chưa quyết liệt.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2019

Dự báo, năm 2019 kinh tế tiếp tục được duy trì ổn định và phát triển. Một số dự án tiếp tục được triển khai thực hiện như: Đường tỉnh lộ 295 đoạn từ Ngọc Châu đi thị trấn Thăng huyện Hiệp Hòa; đường Song Vân- Việt Tiến; đường tỉnh lộ 294 đoạn từ Tân Sỏi Yên Thế đi Phúc Sơn Tân Yên; đường Kênh Chính đoạn từ Phúc Sơn đi Ngọc Thiện; dự án khu đô thị An Huy, thị trấn Cao Thượng.... có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của huyện.

Song kinh tế - xã hội của huyện vẫn còn nhiều khó khăn: Nợ đọng xây dựng cơ bản còn cao; phát triển mở rộng sản xuất của doanh nghiệp còn hạn chế; tình trạng khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, thời tiết diễn biến bất thường, phức tạp, dịch bệnh có thể xảy ra... Do đó đòi hỏi nỗ lực rất cao của các cấp, các ngành, tận dụng tốt các cơ hội, vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch năm 2019.

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành, tranh thủ các điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; tập trung phát triển ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất trong nông nghiệp; định hướng phát triển chăn nuôi. Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hóa - xã hội; thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và đẩy mạnh CCHC; củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất: 14,3%
2. Cơ cấu kinh tế (*giá hiện hành*): Nông, lâm nghiệp thủy sản 34,3%, Công nghiệp xây dựng 38,4%, Thương mại - dịch vụ 27,3%.
3. Giá trị sản xuất bình quân đầu người: 74,3 triệu đồng.
4. Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha canh tác: 151 triệu đồng.
5. Xây dựng nông thôn mới: có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã chưa đạt chuẩn bình quân đạt 17 tiêu chí/xã.
6. Thu ngân sách trên địa bàn: 202 tỷ đồng (*Trong đó, không tính tiền sử dụng đất là 82 tỷ đồng*).
7. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn: 3.590 tỷ đồng.
8. Tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học: 95%. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 93,3% (*tăng 02 trường*).
9. Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 68%.
10. Số lao động được tạo việc làm mới: 3.200 người.
11. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,5%/năm.
12. Tỷ lệ xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã 100%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn 98,6%.
13. Mức giảm tỷ lệ sinh: 0,2‰.
14. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi: 12,5%.
15. Danh hiệu văn hóa: Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu GĐVH 86,8%; Tỷ lệ đơn vị đạt danh hiệu LVH-KPVH cấp huyện 75,7%; Tỷ lệ cơ quan đạt danh hiệu văn hóa 80,2%.
16. Tỷ lệ thu gom chất thải ở nông thôn: 70%; Tỷ lệ rác thải nông thôn được xử lý: 60%. Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được thu gom: 97%; Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được xử lý: 90%.
17. Kiểm chế TNGT, phấn đấu giảm TNGT trên cả 3 tiêu chí "*số vụ, số người chết, số người bị thương*".

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2019

1. Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao. Mở rộng diện tích cây ăn quả, rau quả chế biến, rau quả thực phẩm, trang trại vùng nuôi thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGap. Duy trì phát triển sản xuất trên cánh đồng mẫu, vùng sản xuất hàng hóa tập trung có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp gắn với thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ trong sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết HĐND tỉnh, huyện. Tiếp tục thực hiện đề án phát triển cây ăn quả, cây dược liệu, cây vú sữa và dự án chương trình nông thôn miền núi giai đoạn 2017-2019. Lựa chọn sản phẩm để thực hiện việc gắn tem truy xuất nguồn gốc. Làm tốt công tác PCTT-TKCN; công tác quản lý việc sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV, phân bón, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, đói rét cho đàn vật nuôi và thủy sản; phát triển sản xuất chăn nuôi an toàn dịch bệnh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; các chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ năm 2019 để tăng quy mô tổng đàn. Tiếp tục triển khai Nghị quyết hỗ trợ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; phấn đấu năm 2019 có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, thực hiện tốt Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh. Kiểm soát chặt chẽ việc quyết định chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn NSNN; nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư và các cơ quan chuyên môn trong việc lập, thẩm định dự án đầu tư. Tập trung giải quyết tình trạng nợ xây dựng cơ bản ở cấp xã. Xem xét trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện, Chủ tịch UBND cấp xã để xảy ra sai phạm đối với nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường xúc tiến đầu tư vào địa bàn.

Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư vào địa bàn như: Đường tỉnh 295 đoạn từ Ngọc Châu đi thị trấn Thăng huyện Hiệp Hòa; đường Song Vân- Việt Tiến; đường Hoàng Quốc Việt kéo dài; đường tỉnh 294 đoạn từ Tân Sỏi Yên Thế đi Phúc Sơn Tân Yên; đường Cao Thượng - Phúc Hòa, huyện Tân Yên (*Đoạn tuyến từ Lân Thịnh, xã Phúc Hòa đi tỉnh lộ 294*); đường Kênh Chính đoạn từ Phúc Sơn đi Ngọc Thiệp; dự án khu đô thị An Huy, thị trấn Cao Thượng.... Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang về chính sách hỗ trợ làm đường BTXM gắn phát triển kết cấu hạ tầng giao thông với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường GPMB, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2016-2020. Thực hiện tốt các biện pháp quản lý thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế; rà soát, nắm chắc các nguồn thu ở các lĩnh vực, ngành nghề và các địa bàn có khả năng tăng thu; theo dõi chặt chẽ việc đăng ký kinh doanh, kê khai thuế, phân loại các nguồn thu để có biện pháp thu hiệu quả. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án có sử dụng đất, khai thác đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện các hành vi trốn thuế, chuyển giá, tránh thất thu ngân sách nhà nước.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; chủ động xây dựng phương án dự phòng xử lý các trường hợp đột xuất, khẩn cấp. Các

xã, thị trấn tiến hành rà soát, đánh giá lại các khoản thu và nợ đọng trong đầu tư xây dựng cơ bản, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; xây dựng phương án cụ thể để xử lý.

4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, làm tốt công tác qui hoạch, kế hoạch và quản lý đất đai trên địa bàn, hạn chế vi phạm về đất đai xảy ra và sử dụng đất tiết kiệm, đúng mục đích. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 51-NQ/HU ngày 26/7/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy đối với công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện. Công khai thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận quỹ đất phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện cấp Giấy chứng nhận QSD đất sau dồn đổi ruộng. Tiếp tục thực hiện việc chỉnh lý biến động đất đai sau hiến đất.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và trách nhiệm của xã hội trong bảo vệ môi trường. Tập trung cao cho việc xử lý ô nhiễm môi trường theo Nghị quyết số 14-NQ/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc đảm bảo vệ sinh môi trường, trước hết đối với các doanh nghiệp, trang trại, điểm đông dân cư, trên các lòng kênh, mương. Chỉ đạo triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang. Chỉ đạo 4 xã, thị trấn chưa có khu xử lý rác thải tập trung xây dựng khu xử lý rác thải tập trung trong năm 2019.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy của các cấp học. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn, cải thiện thành tích thi học sinh giỏi quốc gia và cấp tỉnh. Tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh việc dạy thêm, học thêm trái quy định, lạm thu trong các trường học. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học theo hướng chuẩn hoá, kiên cố hoá, hiện đại hoá; có đủ nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh; phấn đấu nâng tỷ lệ phòng học kiên cố lên 95%; Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia 93,3%.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; Tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội tại các xã, thị trấn. Thực hiện công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động. Tập trung chỉ đạo hoàn thành việc hỗ trợ người có công sửa chữa, xây mới nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Chính phủ và Văn bản số 3815/UBND-KGVX ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Tập trung thực hiện Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 20/9/2018 của UBND huyện về lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe người dân. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; Quản lý chặt chẽ hoạt động hành nghề y dược tư nhân; tăng cường quản lý nhà nước về thuốc chữa bệnh, vệ

sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh phát triển đối tượng tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020, phấn đấu đến hết năm 2019 có trên 98% dân số trên địa bàn có thẻ BHYT. Nâng cao chất lượng dịch vụ dân số, gắn với chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; khai thác và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh để phát triển du lịch nhất là khu sinh thái Núi Dành và 12 điểm Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực báo chí xuất bản, công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông. Duy trì các phong trào thể dục thể thao quần chúng; tiếp tục quan tâm phát triển thể thao thành tích cao.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; chỉ đạo các ngành, tổ chức chính trị- xã hội xây dựng chương trình phối hợp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khoá XII) “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” và “*Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”. Xây dựng đề án sáp nhập xã Cao Thượng vào thị trấn Cao Thượng và đề án phân loại đô thị thị trấn Cao Thượng trở thành đô thị loại V. Sáp nhập các thôn, tổ dân phố không đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình tại Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ.

Xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước; quy định rõ trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong việc giải quyết từng nhiệm vụ cụ thể. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành của huyện. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả trong giải quyết công việc; xử lý nghiêm cán bộ, công chức gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu cho tổ chức và công dân.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo mô hình một cửa, một cửa liên thông; giảm bớt đầu mối, rút ngắn thời gian giải quyết cho tổ chức, công dân; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và công bố công khai các thủ tục hành chính.

8. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng chống tham nhũng; tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công khai, minh bạch thông

tin về tiến độ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính và thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của các tổ chức, cá nhân đối với các cơ quan nhà nước. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và ý thức chấp hành pháp luật của mỗi cá nhân và cộng đồng. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt các quyết định, kết luận sau thanh tra, kiểm tra.

9. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; nắm chắc tình hình tôn giáo, các địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự để chủ động xử lý các tình huống, không để bị động, bất ngờ; bảo vệ tuyệt đối an toàn trong các ngày lễ, sự kiện chính trị quan trọng. Thực hiện tốt công tác tuyên quân, huấn luyện, diễn tập, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định.

Tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, kiềm chế, không để tội phạm gia tăng; đẩy lùi nạn trộm cắp, cờ bạc, ma túy. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên địa bàn; thực hiện quyết liệt các giải pháp kiểm soát tải trọng phương tiện vận tải, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

10. Phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức trong hệ thống chính trị để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân, hội viên tham gia xây dựng, phát triển kinh tế- xã hội. Nâng cao chất lượng trong công tác phối hợp xử lý các vấn đề xã hội, thực hiện các mô hình điểm,..coi trọng công tác sơ, tổng kết, phát huy điển hình nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế- xã hội năm 2019 đề ra./.

Nơi nhận:

- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh tại Tân Yên;
- TT HU, HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc HU, UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- VPUBND tỉnh, Sở KH&ĐT, Cục Thống kê;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn.



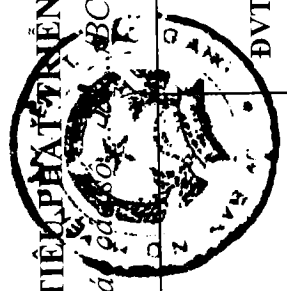
17 CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 12/12/2018 của UBND huyện)



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		UTH 2018/TH 2017 (%)	So sánh kế hoạch (%)
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		
1	Tốc độ tăng giá trị sản xuất	Tỷ đồng	6.447,0	7.255	7.616,0	118,1	105,0
2	Cơ cấu kinh tế (giá HH)	%	100,0	100,0	100,0	-	-
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	37,9	36,6	35,6	-	-
	Công nghiệp- Xây dựng	%	35,7	37,8	37,3	-	-
	Thương mại- dịch vụ	%	26,4	25,6	27,1	-	-
3	Giá trị SX bình quân đầu người (giá HH)	Tr.đ	54,1	61,4	64,9	120,0	105,7
4	Giá trị SX bình quân trên 1 ha canh tác	Tr.đ	131,0	138,0	138,0	105,3	100,0
5	Xây dựng NTM 02 xã đạt NTM	BQ/xã	2,0	2,0	3,0	150,0	150,0
6	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	265,1	174,8	422,5	159,4	241,7
7	Tổng GT đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	2.350	2.400	3.217	136,9	134,0
8	Giáo dục						
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	84,4	89,6	89,7	-	-
	Tỷ lệ KCH trường lớp học	%	92,0	92,5	92,5	-	-
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	60,0	62,0	64,5	-	-
10	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	3.407	3.410	3.450	101,3	101,2
11	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	5,41	4,50	4,07	-	-
12	Xã đạt chuẩn QG về y tế	Xã, TT	23,0	23,0	23,0	100,0	100,0
13	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	(0,2)	(0,2)	(0,17)	-	-
14	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	12,8	12,5	12,3	-	-
	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	93,5	95,0	97,5		
15	Danh hiệu văn hóa						
	Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu GDVH	%	86,1	86,2	86,7	-	-
	TL đơn vị danh hiệu làng, KPVH cấp huyện	%	79,5	79,6	75,4	-	-
16	Các chỉ tiêu về môi trường						
	Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được thu gom	%	95,0	95,0	95,0	-	-
	Tỷ lệ chất thải ở đô thị được xử lý	%	84,0	84,0	84,0	-	-
	Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được thu gom	%	65,0	70,0	70,0	-	-
	Tỷ lệ chất thải ở nông thôn được xử lý	%	55,0	60,0	60,0	-	-
17	Tai nạn giao thông						
	Số vụ	Vụ	8,0	7,0	29,0	362,5	362,5
	Số người chết	Người	8,0	7,0	29,0	362,5	362,5

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2018, KẾ HOẠCH NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 12/2018 của Chủ tịch UBND huyện)



Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh			
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		ƯTH2018/TH 2017 (%)	ƯTH 2018/KH năm 2018 (%)	KH2019/ƯTH 2018 (%)	
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP									
1	Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010)	Tỷ đồng	6.447	7.255	7.616	8.707	118,1	105,0	114,3	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	2.291	2.475	2.553	2.813	111,4	103,2	110,2	
	- Công nghiệp-Xây dựng	Tỷ đồng	2.476	2.990	3.095	3.679	125,0	103,5	118,9	
	- Dịch vụ, thương mại	Tỷ đồng	1.680	1.790	1.968	2.215	117,1	109,9	112,6	
2	Tổng giá trị sản xuất (giá HH)	Tỷ đồng	9.182	10.550	11.144	12.892	121,4	105,6	115,7	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	3.483	3.860	3.972	4.417	114,0	102,9	111,2	
	- Công nghiệp-Xây dựng	Tỷ đồng	3.281	3.990	4.147	4.950	126,4	103,9	119,4	
	- Dịch vụ, thương mại	Tỷ đồng	2.418	2.700	3.025	3.525	125,1	112,0	116,5	
3	Cơ cấu GTSX theo ngành kinh tế (giá HH)	%	100,00	100,00	100,00	100,00				
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	37,9	36,6	35,6	34,3				
	- Công nghiệp-Xây dựng	%	35,7	37,8	37,3	38,4				
	- Dịch vụ	%	26,40	25,6	27,1	27,3				
4	Giá trị sản xuất bình quân đầu người	Tr.đồng	54,1	61,4	64,9	74,3	120,1	105,7	114,4	
5	Giá trị sản xuất bình quân 1ha canh tác	Tr.đồng	131	138	138	151	105,3	100,0	109,4	
6	Thu - chi ngân sách	Tr. đồng								
a)	Thu ngân sách	"	807,7	654,6	1069,6	713,4	132,4	163,4	66,7	
	Thu ngân sách trên địa bàn	"	265,1	174,8	422,5	202,0	159,4	241,7	47,8	
	Trong đó: Thu không tính tiền đất	"	79,2	84,8	71,4	82,0	90,2	84,2	114,8	

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2018/T H 2017 (%)	U' TH 2018/KH năm 2018 (%)	KH2019/ U' TH 2018 (%)
b)	<i>Chi ngân sách</i>		784,3	640,2	1029,4	694,0	131,3	160,8	67,4
	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	184,1	81,0	370,6	108,0	201,3	457,5	29,1
	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	562,0	538,9	617,0	573,3	109,8	106,4	92,9
	<i>Trong đó:</i>								
	- Chi các sự nghiệp (GD, YT, VH, KT...)	Tỷ đồng	440,4	405,2	480,0	417,3	109,0	103,0	86,9
	- Chi cho quản lý hành chính nhà nước	Tỷ đồng	121,6	116,5	131,5	138,4	108,1	118,8	105,2
6	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	2.350	2.400	3.217	3.590	136,9	134,0	111,6
	- Vốn ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	260	250	344	400	132,3	137,6	116,3
	- Đầu tư của các doanh nghiệp	Tỷ đồng	300	300	375	400	125,0	125,0	106,7
	- Đầu tư trong dân cư	Tỷ đồng	1.790	1.850	2.498	2.790	139,6	135,0	111,7
B	MỘT SỐ CHỈ TIÊU KT CHỦ YẾU								
I	NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN								
1	Giá trị SX nông, lâm, thủy sản (Giá HH)	Tỷ đồng	3.483	3.860	3.972	4.417	114,0	102,9	111,2
	- Nông nghiệp	"	3.136	3.488	3.591	4.025	114,5	103,0	112,1
	+ Trồng trọt	"	1.445	1.530	1.604	1.750	111,0	104,8	109,1
	+ Chăn nuôi	"	1.625	1.878	1.917	2.200	118,0	102,1	114,8
	+ Dịch vụ nông nghiệp	"	66	80	70	75	106,1	87,5	107,1
	- Lâm nghiệp	"	18,0	22,0	19,0	22,0	105,6	86,4	115,8
	- Thủy sản	"	329,0	350,0	362,0	370,0	110,0	103,4	102,2
2	Diện tích một số cây trồng chủ yếu								
	- Lúa cả năm	Ha	13.063,0	12.797,0	12.853,0	12.800,0	98,4	100,4	99,6
	- Ngô	Ha	513,0	523,0	330,0	500,0	64,3	63,1	151,5

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2018/TH H 2017 (%)	U' TH 2018/ KH năm 2018 (%)	KH2019/ U' TH 2018 (%)
	- Khoai tây	Ha	159,5	173,0	208,0	210,0	130,4	120,2	101,0
	- Khoai lang	Ha	719,0	702,0	530,0	700,0	73,7	75,5	132,1
	- Lạc	Ha	2.760,0	2.606,0	2.689,0	2.700,0	97,4	103,2	100,4
	- Rau quả thực phẩm các loại	Ha	4.211,0	4.356,0	4.594,0	4.600,0	109,1	105,5	100,1
	* Cây vải	Ha	1.320,0	1.320,0	1.329,0	1.300,0	100,7	100,7	97,8
3	Lâm nghiệp rừng	Ha	15,0	15,0	37,0	36,0	246,7	246,7	97,3
4	Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu								
	- Lúa cả năm	Tấn	73.050	72.319	74.341	74.000	101,8	102,8	99,5
	- Ngô	Tấn	1.646	1.677	1.075	1.500	65,3	64,1	139,5
	- Khoai tây	Tấn	1.923	2.077	2.515	2.500	130,8	121,1	99,4
	- Khoai lang	Tấn	8.122	7.898	6.021	7.000	74,1	76,2	116,3
	- Lạc	Tấn	7.340	6.967	5.722	6.000	78,0	82,1	104,9
	- Rau quả thực phẩm các loại	Tấn	65.530	67.569	68.407	68.550	104,4	101,2	100,2
	* Cây Vải	Tấn	13.000	10.500	15.000	13.000	115,4	142,9	86,7
5	Chăn nuôi								
	- Tổng đàn trâu (trung bình năm)	con	3.840,0	3.800,0	3.702,0	3.635,0	96,4	97,4	98,2
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	240,0	233,0	220,0	210,0	91,7	94,4	95,5
	- Tổng đàn bò (trung bình năm)	con	22.237	23.200	22.520	22.800	101,3	97,1	101,2
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	910,0	971,0	922,0	980,0	101,3	95,0	106,3
	- Tổng đàn lợn (trung bình năm)	1000con	220,4	191,0	223,0	225,0	101,2	116,8	100,9
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	30.230	23.302	30.650	31.850	101,4	131,5	103,9
	- Tổng đàn gia cầm các loại	1000 con	2.405	2.100	2.400	2.500	99,8	114,3	104,2

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		UTH2018/TH 2017 (%)	UTH 2018/KH năm 2018 (%)	KH2019/UTH 2018 (%)
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	4.428	3.470	4.417	4.500	99,8	127,3	101,9
	Tổng sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	35.808	27.976	36.209,0	37.540	101,1	129,4	103,7
6	Thuỷ sản								
	- Diện tích nuôi, trồng thủy sản	Ha	1.365,0	1.365,0	1.372,0	1.375,0	100,5	100,5	100,2
	+ Diện tích thâm canh, bán thâm canh	Ha	1.249,0	1.250,0	1.265,0	1.270,0	101,3	101,2	100,4
	+ Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Tấn	8.215,0	8.226,0	8.350,0	8.500,0	101,6	101,5	101,8
7	XD cánh đồng mẫu	CD	24,0	24,0	24,0	24,0	100,0	100,0	100,0
8	Trang trại công nhận mới	Đơn vị	29,0	21,0	21,0	20,0	72,4	100,0	95,2
9	Số xã đạt xá NTM	Xã	2,0	2,0	3,0	3,0	150,0	150,0	100,0
II	CÔNG NGHIỆP - XÂY DỰNG								
1	Giá trị sản xuất CN-TTCN -XD (Giá HH)	Tỷ đồng	3.281	3.990	4.147	4.950	126,4	103,9	119,4
<i>a)</i>	<i>Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp</i>	"	986,0	1.140,0	1.235,0	1.500,0	125,3	108,3	121,5
	+ Ngoài quốc doanh	"	986,0	1.140,0	1.235,0	1.500,0	125,3	108,3	121,5
<i>b)</i>	<i>Xây dựng</i>	"	2.295	2.850	2.912	3.450	126,9	102,2	118,5
2	Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu								
	Gạch máy	Triệu v	142,0	145,0	154,0	160,0	108,5	106,2	103,9
	Sản phẩm may mặc	1000SP	15.500	16.000	16.800	17.000	108,4	105,0	101,2
III	DỊCH VỤ								
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (giá HH)	Tỷ đồng	3.100,0	3.400,0	3.510,0	3.800,0	113,2	103,2	108,3
2	Giá trị thương mại, dịch vụ (giá HH)	Tỷ đồng	2.418	2.700	3.025	3.525	125,1	112,0	116,5
	<i>Trong đó:</i>								

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2018/ KH năm 2018 (%)	U' TH 2018/ U' TH 2018 (%)	U' TH 2018/ KH năm 2018 (%)
	Thương mại	Tỷ đồng	592	710	725	875	122,5	102,1	120,7
	Dịch vụ	Tỷ đồng	1.826	1.990	2.300	2.650	126,0	115,6	115,2
IV	CHỈ TIÊU VH, XH - XD GIẢM NGHÈO								
1	Dân số								
	- Dân số trung bình	10 ³ người	169,60	171,72	171,58	173,55	101,2	99,9	101,1
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,15	1,20	1,00	1,15	-	-	-
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,20	0,20	0,17	0,20	-	-	-
	- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	%	113,0	113,0	109,0	110,0	-	-	-
2	Lao động việc làm								
	- Số người trong độ tuổi lao động	Người	107.100	108.820	108.980	108.839	101,8	100,1	99,9
	- Số người lao động tham gia trong ngành KTQD	Người	105.851	107.515	107.090	107.840	101,2	99,6	100,7
	<i>Trong đó:</i> - Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Người	65.627	65.580	65.620	65.600	100,0	100,1	
	- Công nghiệp - Xây dựng	Người	24.874	25.800	25.170	25.920	101,2	97,6	
	- Dịch vụ	Người	15.350	16.135	16.300	16.320	106,2	101,0	
	- Cơ cấu lao động tham gia trong ngành KTQD	%	100	100	100	100	-	-	-
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	62,0	61,0	58,5	57,0	-	-	-
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	23,5	24,0	24,5	25,0	-	-	-
	- Dịch vụ	%	14,5	15,0	17,0	18,0	-	-	-
	- Tổng số người có việc làm mới trong năm	Người	3.407	3.410	3.450	3.200	101,3	101,2	92,8
	<i>Trong đó: Lao động nữ</i>	Người	1.775	1.780	1.785	1.780	100,6	100,3	99,7
	<i>Xuất khẩu lao động</i>	Người	355	330	348	320	98,0	105,5	92,0
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động	%	60,0	62,0	64,5	68,0	107,5	104,0	105,4

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh			
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		UTH2018/TH 2017 (%)	UTH 2018/KH năm 2018 (%)	KH2019/UTH 2018 (%)	
3	Giảm nghèo									
	- Tổng số hộ	Hộ	48.722	49.160	49.209	49.450	101,0	100,10	100,5	
	- Số hộ nghèo theo chuẩn mới	Hộ	2.632	1.980	2.004	1.456	76,1	101,2	72,7	
	- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới)	%	5,41	4,50	4,07	2,94	75,3	90,5	72,3	
4	Y tế, xã hội									
	- Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	21,0	21,5	21,7	21,7	103,3	100,9	100,0	
	- Số bác sĩ/vận dân	Bác sĩ	4,70	4,8	5,0	5,0	106,4	104,2	100,0	
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi	%	12,8	12,5	12,3	12,5	-	-	-	
	- Số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã	24,0	24,0	24,0	24,0	100,0	100,0	100,0	
	- Tỷ lệ xã y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)	%	95,8	95,8	95,8	100,0	-	-	-	
	- Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế	%	93,5	95,0	97,5	98,6	-	-	-	
5	Văn hóa									
	- Gia đình được công nhận gia đình văn hóa	Gia đình	39.994	40.038	40.623	41.060	101,6	101,5	101,1	
	- Tỷ lệ	%	86,1	86,2	86,7	86,8	-	-	-	
	- Làng, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa cấp huyện	Làng, KP	292,0	293,0	277,0	278,0	94,9	94,5	100,4	
	- Tỷ lệ	%	79,5	79,6	75,4	75,7	-	-	-	
	- Số đơn vị đạt danh hiệu cơ quan văn hóa cấp huyện	Đơn vị	173,0	176,0	151,0	174,0	87,3	85,8	115,2	
	- Tỷ lệ	%	82,0	83,4	69,5	80,2	-	-	-	
	- Khu dân cư, khu phố điển hình sinh, xanh, sạch, đẹp	Làng, KP	2,0	1	8	24	400,0	800,0	300,0	
- Xã Văn hóa	Xã	2,0	1	3	2	150,0	300,0	66,7		

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		ƯTH2018/T H 2017 (%)	UTH 2018/KH năm 2018 (%)	KH2019/UTH 2018 (%)
	- Xây dựng thiết văn hóa thôn, khu phố (NVH, sân TT đạt chuẩn)	thôn, KP		45	92	92			
6	Giáo dục								
a	Số lượng								
	- Quy mô trường	Trường	83	82	80	77	96,4	97,6	96,3
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	41.527,0	43.990,0	43.990,0	42.627,0	105,9	100,0	96,9
	+ Mẫu giáo	"	12.996,0	13.554,0	13.554,0	10.645,0	104,3	100,0	78,5
	+ Tiểu học	"	14.432,0	15.516,0	15.516,0	16.457,0	107,5	100,0	106,1
	+ Trung học cơ sở	"	9.150,0	9.867,0	9.867,0	10.425,0	107,8	100,0	105,7
	+ Trung học phổ thông	"	4.949,0	5.053,0	5.053,0	5.100,0	102,1	100,0	100,9
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	100,0	100,0	100,0	100,0	-	-	-
b	Chất lượng								
	- Xã, thị trấn đạt PCGD TH đúng độ tuổi mức độ 3	Xã, TT	24	24	24	24	100,0	100,0	100,0
	- Số xã, thị trấn duy trì đạt phổ cập THCS	Xã, TT	24	24	24	24	100,0	100,0	100,0
	- Phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã, TT	24	24	24	24	100,0	100,0	100,0
	- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT	%	99,0	99,0	99,0	99,0	-	-	-
c	Cơ sở vật chất								
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	84,4	89,6	89,7	93,3	-	-	-
	Mầm non	Trường	22,0	23,0	23	23,0	104,5	100,0	100,0
	Tiểu học	Trường	24,0	24,0	23	20,0	95,8	95,8	87,0
	Trung học cơ sở	Trường	18,0	19,0	20	21,0	111,1	105,3	105,0

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		UTH2018/TH 2017 (%)	UTH 2018/KH năm 2018 (%)	KH2019/UTH 2018 (%)
	Trung học phổ thông	Trường	3,0	3,0	3	3,0	100,0	100,0	100,0
	- Tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học	%	92,0	92,5	92,5	95,0	-	-	-
	Mầm non	%	89,0	91,0	91,0	94,0	-	-	-
	Tiểu học	%	90,0	91,0	92,1	93,0	-	-	-
	Trung học cơ sở	%	99,5	99,5	99,5	99,8	-	-	-
	Trung học phổ thông	%	100,0	100,0	100,0	100,0	-	-	-
7	Môi trường								
	- Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được thu gom	%	95,0	95,0	95,0	97,0	-	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được xử lý	%	84,0	84,0	84,0	90,0	-	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được thu gom	%	65,0	70,0	70,0	70,0	-	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được xử lý	%	55,0	60,0	60,0	60,0	-	-	-
	- Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước sạch	%	50,0	50,0	52,0	52,0	-	-	-
	- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước HVS	%	91,0	91,0	91,0	94,0	-	-	-
8	An toàn thực phẩm								
	- Tỷ lệ diện tích sản xuất thâm canh rau, quả, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap	%		31,0	31,0	35,0	-	-	-
	- Tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap	%		30,0	30,0	33,0	-	-	-
	- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh nông sản, thủy sản, thực phẩm, dịch vụ ăn uống thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP được cấp giấy chứng nhận theo quy định	%		79,0	100,0	85,0	-	-	-
	- Tỷ lệ chợ được quy hoạch và kiểm soát ATTP	%		85,0	90,0	95,0	-	-	-

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh			
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		U' TH 2018/T H 2017 (%)	U' TH 2018/KH năm 2018 (%)	KH 2019/U' TH 2018 (%)	
V	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP									
1	Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động	DN	9,0	9,0	9,0	9,0	100,0	100,0	100,0	100,0
	<i>Trong đó: Doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	DN	9,0	9,0	9,0	9,0	100,0	100,0	100,0	100,0
2	Tổng số doanh nghiệp	DN	273,0	288,0	288,0	306,0	105,5	100,0	106,3	106,3
	<i>Trong đó: Doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	DN	273,0	288,0	288,0	306,0	105,5	100,0	106,3	106,3
3	Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm	DN	54,0	15,0	29,0	18,0	53,7	193,3	62,1	62,1
4	Doanh nghiệp nước ngoài đăng ký mới	DN	1,0	1,0	0,0	1,0	-	-	-	-
VI	PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ									
1	Tổng số Hợp tác xã	HTX	57,0	59,0	68,0	74,0	119,3	115,3	108,8	108,8
	<i>Trong đó thành lập mới</i>	HTX	4	2	9	6	225,0	450,0	66,7	66,7
VII	PHÁT TRIỂN HỘ DÂN DOANH	Hộ	700,0	750,0	850,0	750,0	121,4	113,3	88,2	88,2